

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/KDTM-PT
Ngày 09-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung
Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42 /2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; Trụ sở: đường T, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, Chức vụ: Trưởng phòng tổng hợp và ông Huỳnh Phương N, chức vụ: Nhân viên quản lý nợ có vấn đề của Ngân hàng TMCP C; Địa chỉ: đường Nguyễn B, quận L, thành phố Đà Nẵng (Ông T có mặt, ông N vắng mặt).

Bị đơn: Bà Đào Thị Thanh X, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà K21/H08/09 đường D, tổ 42, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 35 phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng; Theo giấy ủy quyền ngày 18/5/2017, chứng thực số 141 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (ông

Phạm Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Ngọc H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 37 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Công ty cổ phần xây lắp viễn thông B; Đại diện theo pháp luật Bà Tôn Nữ Phương U, Giám đốc Địa chỉ: Số 22 đường B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Phòng Công chứng H thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 209 đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 503 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

5. Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 503 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Đào Thị Thanh X, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C trình bày như sau:*

Bà Đào Thị Thanh X ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần C 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng thứ nhất: Ngày 17/01/2014, bà Đào Thị Thanh X vay vốn 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488; mục đích vay là thanh toán các chi phí sửa chữa nhà ở; lãi suất cho vay 13%/ năm, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn; lãi suất được điều chỉnh 02 tháng/1 lần; giải ngân ngày 17/01/2014; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả nợ gốc là vào ngày 20 hàng kỳ, mỗi kỳ 03 tháng; mỗi kỳ trả nợ gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 17/01/2017; khoản vay đã quá hạn kể từ ngày 18/01/2018.

- Hợp đồng thứ hai: Ngày 28/01/2016, bà Đào Thị Thanh X vay vốn 660.000.000đ (sáu trăm sáu mươi triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488; mục đích vay là thanh toán các chi phí phục vụ kinh doanh ăn uống, giải khát; đại lý bia, nước ngọt; lãi suất cho vay 9.5%/ năm theo Hợp đồng tín dụng. Do có ưu đãi lãi suất theo chương trình “Xuân thịnh vượng, vốn phát tài” nên lãi suất 06 tháng đầu là 6.5%/năm, hết 06 tháng đầu lãi suất quay lại là 9.5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần; giải ngân ngày 28.01.2016; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả nợ gốc là 01 kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian trả lãi là vào ngày 25 hàng tháng; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 26/01/2017; khoản vay đã quá hạn từ ngày 27/01/2017.

Tài sản đảm bảo cho cả hai hợp đồng tín dụng trên là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 21; diện tích 93.8 m²; tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng, mái tôn + đúc, sàn đúc, tường xây, nền gạch hoa; diện tích xây dựng là 74m²; diện tích sử dụng là 206m²; địa chỉ: Tổ 42 (11 cũ), phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 987827 do Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/12/2008 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08/01/2013 được công chứng tại Phòng công chứng H, thành phố Đà Nẵng, số công chứng 205TP/CC-SCC/HĐGD.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 40; diện tích 90.1m²; tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng, tường xây, mái tôn, sàn đúc; diện tích xây dựng là 62.50m²; diện tích sử dụng là 141.65m²; Địa chỉ: Tổ 37 phường T (tổ 23 phường Đ cũ), quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402022453 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/12/2002 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013 được công chứng tại Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng, số công chứng 202TP/CC-SCC/HĐGD.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ vay đúng hạn nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã làm việc với bà X nhiều lần nhưng bà X không trả, nay Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân quận T giải quyết buộc bà Đào Thị Thanh X phải trả nợ Ngân hàng TMCP C, cụ thể:

- Hợp đồng thứ nhất: Bà X có nghĩa vụ thanh toán số tiền 181.815.700đ; trong đó nợ gốc là: 135.000.000đ; nợ lãi là 46.815.700đ (tạm tính đến ngày 14/6/2019);

- Hợp đồng thứ hai: Bà X có nghĩa vụ thanh toán số tiền 891.902.600đ; trong đó nợ gốc là: 660.000.000đ; nợ lãi là 231.902.600đ (tạm tính đến ngày 14/6/2019).

Tổng cộng số tiền Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Thị Thanh X phải trả là: 1.073.718.300đ; trong đó nợ gốc là: 795.000.000đ; nợ lãi là 278.718.300đ (tạm tính đến ngày 14/6/2019).

Buộc bà Đào Thị Thanh X phải tiếp tục trả lãi quá hạn cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 15/6/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bà Đào Thị Thanh X không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.006A/HĐTC ngày 08/01/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Phạm Hồng T trình bày như sau:*

Ông T xác nhận bà Đào Thị Thanh X có ký Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014 và Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016 như Ngân hàng thương mại cổ phần C trình bày là đúng.

Để đảm bảo cho hai hợp đồng tín dụng trên, bà X đã ký Hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất số 13.08.006A/HĐTC ngày 08/01/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013; Giấy nhận nợ số 01 ngày 28/01/2016 để vay số tiền 660.000.000đ và Giấy nhận nợ số 01 ngày 17/01/2014 để vay số tiền 300.000.000đ nhưng cả hai Hợp đồng tín dụng trên bà X đều không nhận tiền. Hai hợp đồng tín dụng trên bà X không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Việc ký kết 02 hợp đồng tín dụng trên là bà X bị lừa dối, tất cả các hợp đồng tín dụng là hợp đồng theo mẫu. Bên thực hiện soạn thảo và ký kết hợp đồng tín dụng này với bà X là bên có trách nhiệm đó là Ngân hàng TMCP C. Hai hợp đồng mà Ngân hàng khởi kiện là 02 hợp đồng giả tạo che giấu các giao dịch khác.

Năm 2013, ông Đào Ngọc H có nhu cầu vay vốn nên bà X cho ông Đào Ngọc H mượn giấy tờ để làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng và tất cả những hợp đồng giữa Ngân hàng và bà X là do ông H làm. Khi giải ngân thì bà X ký và nhận tiền 01 lần duy nhất là 1.000.000.000đ vào ngày 08/01/2013 tại Hợp đồng tín dụng số 13.08.006/HĐTD ngày 08/01/2013 và đã giao ngay cho ông H mượn. Sau khi đến hạn thì ông H và Ngân hàng giao cho bà X các Hợp đồng để ký đáo hạn thì bà X ký vào nhưng không đọc, bà X cho rằng bà bị lừa dối để ký vào các hợp đồng này.

Hợp đồng tín dụng số 13.08.006/HĐTD có dấu hiệu bị giả tạo, giải ngân trái pháp luật nên Ngân hàng đã tiếp tục ký 02 hợp đồng tín dụng năm 2014 và 2016.

Bà X khẳng định Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bà X và Biên lai thu thuế môn bài mà Ngân hàng cung cấp kèm đơn khởi kiện trong vụ án là giả tạo. Bà X không có bất cứ quan hệ gì với Công ty cổ phần xây lắp viễn thông B, mà công ty này là bên vay vốn trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11260050/HĐTC ngày 03/01/2012 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1120050A/HĐTC ngày 03/01/2012. Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa bà X và Ngân hàng có dấu hiệu của tội phạm. Đối với việc đã thực hiện những hành vi giả mạo như trên thì Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại cho bà X.

Nay, Ngân hàng TMCP C khởi kiện bà X, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến như sau:

Toàn bộ hồ sơ tín dụng của bà X tại Ngân hàng đều do Ngân hàng giả mạo, bà Đào Thị Thanh X đã bị lừa dối. Trong đó, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bà Đào Thị Thanh X. Ngày 04/3/2019, Tòa án đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chuyển Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bà X đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T làm rõ dấu hiệu “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, sau đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T đã chuyển lại cho Tòa án kết luận giám định, theo đó chữ ký và con dấu trên giấy chứng nhận là được in ra. Tuy nhiên, vào ngày 06/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T tiếp tục có giấy triệu tập bà X lên để làm rõ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Có thể khẳng định là Cơ quan công an chưa có kết luận chính thức đối với yêu cầu của Tòa án. Do đó, Tòa án chưa có cơ sở để tiếp tục giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX tạm ngừng, tạm đình chỉ hoặc hoãn phiên tòa để chờ kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, tuyên bố tất cả các giao dịch dân sự, các hợp

đồng dân sự giữa bà Đào Thị Thanh X và Ngân hàng TMCP C là vô hiệu, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự; Các hợp đồng, giao dịch dân sự yêu cầu tuyên bố vô hiệu gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11260050/HĐTC ngày 03/01/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1120050A/HĐTC ngày 03/01/2012 (02 hợp đồng thế chấp này là để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 13.08.0006/HĐTD ngày 08/01/2013);

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08/01/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013 (02 hợp đồng này là hợp đồng đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014 và Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016);

- Hợp đồng tín dụng số 13.08.0006/HĐTD ngày 08/01/2013;

- Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014;

- Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng TMCP C bồi thường cho bà Đào Thị Thanh X số tiền là: 1.000.000.000đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Ngọc H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Đào Ngọc H trình bày như sau:*

Ông Đào Ngọc H và bà Đào Thị Thanh X có quan hệ là anh em ruột, ông H có nhiều lần vay và trả tiền cho bà X để làm ăn. Hiện nay ông H còn nợ bà X số tiền 1.900.000.000đ. Ông H có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất cho con trai bà X đứng tên. Ông H xác định giữa ông và bà X sẽ giải quyết riêng, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do còn nợ tiền của bà X nên ông H là người thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho bà X tại Ngân hàng TMCP C. Ông H cho rằng việc bà X ký hết hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng TMCP C không liên quan gì đến ông H. Bà X vay Ngân hàng thì bà X có trách nhiệm thanh toán.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng H thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Ngày 06/7/2017 thể hiện Công chứng viên của Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng đã thực hiện chứng nhận các Hợp đồng thế chấp có số công chứng là 62, 63, 202 và 205 được giao kết giữa bên thế chấp là bà Đào Thị Thanh X và Ngân hàng TMCP C. Việc chứng nhận các Hợp đồng trên đã được Công chứng viên thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu và theo các giấy tờ hợp lệ do người tham gia hợp đồng xuất trình. Phòng Công chứng H thành phố Đà Nẵng xác định không có bất cứ quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan trong vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Tôn Nữ Phương U, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T và Ủy ban nhân dân quận T, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến phản hồi.*

Với nội dung nêu trên Bản án sơ thẩm quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với bà Đào Thị Thanh X về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử:

1. Buộc bà Đào Thị Thanh X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 1.073.718.300đ (một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng); trong đó nợ gốc là: 795.000.000đ; nợ lãi là 278.718.300đ (tạm tính đến ngày 14/6/2019) và tiền lãi kể từ ngày 15/6/2019 theo mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Đào Thị Thanh X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì các tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 21; diện tích 93.8m²; tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng, mái tôn + đúc, sàn đúc, tường xây, nền gạch hoa; diện tích xây dựng là 74m²; diện tích sử dụng là 206m²; địa chỉ: Tổ 42 (11 cũ) phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 987827 do Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/12/2008 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08.01.2013 được công chứng tại Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng, số công chứng 205TP/CC-SCC/HĐGD.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 40; diện tích 90.1m²; tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng, tường xây, mái tôn, sàn đúc; diện tích xây dựng là 62.50m²; diện tích sử dụng là 141.65m²; địa chỉ: tổ 37 phường T (tổ 23 phường Đ cũ), quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402022453 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/12/2002 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013 được công chứng tại Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng, số công chứng 202TP/CC-SCC/HĐGD.

Sẽ được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP C.

Khi bà Đào Thị Thanh X thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 987827 do Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/12/2008 và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402022453 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/12/2002 cho bà Đào Thị Thanh X.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với Ngân hàng TMCP C về việc yêu cầu tuyên bố các hợp đồng sau vô hiệu:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11260050/HĐTC ngày 03/01/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1120050A/HĐTC ngày 03/01/2012.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08/01/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013

- Hợp đồng tín dụng số 13.08.0006/HĐTD ngày 08/01/2013;

- Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014;

- Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc Ngân hàng TMCP C bồi thường thiệt hại cho bà Đào Thị Thanh X số tiền 1.000.000.000đ.

4. Án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: 9.090.785đ bà Đào Thị Thanh X phải chịu.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 38.757.069đ bà Đào Thị Thanh X phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là: 42.000.000đ bà Đào Thị Thanh X phải chịu.

Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm bà X phải chịu là: 89.847.854đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đào Thị Thanh X đã nộp là 16.000.000đ theo Biên lai thu số 0003473 ngày 23/5/2017 và 7.500.000đ theo Biên lai thu số 0003474 ngày 23/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng. Bà X còn phải nộp là: 66.347.854đ.

Chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định 5.000.000đ bà Đào Thị Thanh X phải chịu (Bà X đã nộp đủ theo phiếu thu số 07 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 15.578.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0003253 ngày 11/4/2017 và 3.464.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0003254 ngày 11/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm quyết định về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo như sau: Ngày 02/4/2019, bị đơn bà Đào Thị Thanh X kháng cáo toàn bộ bản sơ thẩm và đề nghị tuyên hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án sơ thẩm chưa thực hiện việc thu thập chứng cứ theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Đào Thị Thanh X thì thấy:

[1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C và bà Đào Thị Thanh X cũng như Giấy nhận nợ số 01 ngày 17/01/2014 thể hiện: Bà X vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 300.000.000 đồng, với thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 17/01/2014; mục đích vay thanh toán các chi phí sửa chữa nhà ở; lãi suất cho vay 13%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi suất được điều chỉnh 02 tháng/1 lần; trả nợ gốc là vào ngày 20 hàng kỳ, mỗi kỳ 03 tháng; mỗi kỳ trả nợ gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 17/01/2019.

[2] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016 giữa Ngân hàng TMCP C và bà Đào Thị Thanh X cũng như Giấy nhận nợ số 01 ngày 28/01/2016 thể hiện: Bà X vay của Ngân hàng TMCP C số tiền 660.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán các chi phí phục vụ kinh doanh ăn uống, giải khát; đại lý bia, nước ngọt; lãi suất cho vay 9.5%/ năm theo Hợp đồng tín dụng, lãi suất 06 tháng đầu là 6.5%/năm, hết 06 tháng đầu lãi suất quay lại là 9.5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần; giải ngân ngày 28.01.2016; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả nợ gốc là 01 kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian trả lãi là vào ngày 25 hàng tháng; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 26/01/2017.

[3] Hai khoản vay trên, bà X thế chấp tài sản gồm nhà đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 21 địa chỉ: tổ 42 (11 cũ), phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 987827 do Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/12/2008 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08/01/2013 được công chứng tại Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng, số công chứng 205TP/CC-SCC/HĐGD và nhà đất tại thửa đất số 233, địa chỉ: tổ 37 phường T (tổ 23 phường Đ cũ), quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402022453 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/12/2002 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013 được công chứng tại Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng, số công chứng 202TP/CC-SCC/HĐGD.

[4] Trong quá trình vay, bà X đã thanh toán cho Ngân hàng như sau:

Đối với khoản vay số tiền 300.000.000 đồng: đã thanh toán số tiền gốc vay 165.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 25/12/2016; còn nợ tiền gốc là 135.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/12/2016 đến ngày xử sơ thẩm 14/6/2019 là 46.815.750 đồng.

Đối với khoản vay số tiền 660.000.000 đồng; chưa thanh toán số tiền gốc vay, chỉ thanh toán tiền lãi đến ngày 25/12/2016; hiện còn nợ tiền gốc 660.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/12/2016 đến ngày xử sơ thẩm 14/6/2019 là 231.902.600 đồng.

[5] Như vậy đối khoản vay số tiền 300.000.000 đồng mặc dù hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán nợ (tính đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện ngày 07/4/2017) nhưng bà X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp

đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014; đối với khoản vay 660.000.000 đồng đã hết hạn thanh toán nợ vay vào ngày 26/01/2017 nhưng bà X chưa thanh toán cả gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, buộc bà X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền 1.073.718.300đ (một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng); trong đó nợ gốc là: 795.000.000đ; nợ lãi là 278.718.300đ (tính đến ngày 14/6/2019) và phải trả tiền lãi kể từ ngày 15/6/2019 theo mức lãi suất của các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời quyết định xử lý về tài sản thế chấp theo quy định tại điều 299 Bộ luật Dân sự 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của bà Đào Thị Thanh X, HĐXX xét thấy:

Thời điểm bà X xác lập giao dịch dân sự cụ thể các Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đối với Ngân hàng C thì bà X là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của các giao dịch tại các hợp đồng trên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Do đó, không có căn cứ để xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11260050/HĐTC ngày 03/01/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1120050A/HĐTC ngày 03/01/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08/01/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013; Hợp đồng tín dụng số 13.08.0006/HĐTD ngày 08/01/2013; Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016 vô hiệu như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là cơ sở.

Ngoài ra bà X cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh Ngân hàng đã gây thiệt hại cho bà X với số tiền 1.000.000.000 đồng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu về việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng điều tra làm rõ dấu hiệu “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể số 32B8019538 được cấp ngày 24/10/2011 cho bà Đào Thị Thanh X thì ngày 27/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T đã có Thông báo về việc không khởi tố vụ án đối với hành vi của bà Đào Thị Thanh X và ông Đào Ngọc H do không cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” nên quyết định không khởi tố vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Riêng đối với hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, cơ quan điều tra Công an quận T đã ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết về nguồn tin tội phạm số 18 ngày 27/6/2019, khi nào phát sinh tình tiết mới sẽ phục hồi xác minh theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Bà X kháng cáo cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[9] Từ những nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Do không chấp nhận kháng cáo của bà X nên bà X phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 351, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị Thanh X.

II. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với bà Đào Thị Thanh X về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc bà Đào Thị Thanh X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 1.073.718.300đ (một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng); trong đó nợ gốc là: 795.000.000đ; nợ lãi là 278.718.300đ (tính đến ngày 14/6/2019) và tiền lãi kể từ ngày 15/6/2019 theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

1.2. Xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp bà Đào Thị Thanh X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì các tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 21, diện tích 93.8m², tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng, mái tôn + đúc, sàn đúc, tường xây, nền gạch hoa; diện tích xây dựng là 74m²; diện tích sử dụng là 206m², địa chỉ tổ 42 (tổ 11 cũ) phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 987827 do Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/12/2008 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08.01.2013 được công chứng tại Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng, số công chứng 205TP/CC-SCC/HĐGD; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 40, diện tích 90.1 m²; tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng, tường xây, mái tôn, sàn đúc; diện tích xây dựng là 62.50m², diện tích sử dụng là 141.65m²; địa chỉ tổ 37 phường T (tổ 23 phường Đ cũ), quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402022453 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/12/2002 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013 được công chứng tại Phòng

công chứng H thành phố Đà Nẵng, số công chứng 202TP/CC-SCC/HĐGD được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP C.

Khi bà Đào Thị Thanh X thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 987827 do Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/12/2008 và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402022453 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/12/2002 cho bà Đào Thị Thanh X.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đào Thị Thanh X đối với Ngân hàng TMCP C về việc yêu cầu tuyên bố các hợp đồng sau vô hiệu:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11260050/HĐTC ngày 03/01/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1120050A/HĐTC ngày 03/01/2012.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006A/HĐTC ngày 08/01/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13.08.0006B/HĐTC ngày 08/01/2013

- Hợp đồng tín dụng số 13.08.0006/HĐTD ngày 08/01/2013;

- Hợp đồng tín dụng số 400258479/2014/02-HĐTD/NHCT488 ngày 17/01/2014;

- Hợp đồng tín dụng số 400285479/2016-HĐTD/NHCT488 ngày 28/01/2016.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đào Thị Thanh X về việc buộc Ngân hàng TMCP C bồi thường thiệt hại cho bà Đào Thị Thanh X số tiền 1.000.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Đào Thị Thanh X phải chịu là 9.090.785 đồng; án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bà Đào Thị Thanh X phải chịu là 38.757.069 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận bà Đào Thị Thanh X phải chịu là: 42.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm bà X phải chịu là: 89.847.854 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đào Thị Thanh X đã nộp là 16.000.000đ theo Biên lai thu số 0003473 ngày 23/5/2017 và 7.500.000đ theo Biên lai thu số 0003474 ngày 23/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng. Bà X còn phải nộp số tiền án phí là: 66.347.854 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 15.578.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003253 ngày 11/4/2017 và 3.464.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003254 ngày 11/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định 5.000.000 đồng bà Đào Thị Thanh X phải chịu (Bà X đã nộp đủ theo Phiếu thu số 07 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng).

III. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Đào Thị Thanh X phải chịu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004923 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án ND Quận T;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Quận T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến